

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2020/DS-ST**

Ngày: 15-12-2020

V/v tranh chấp thừa kế  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*1- Nguyên đơn:*

+ Ông Dương Năm NĐ1, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. *(Vắng mặt)*

+ Ông Dương Văn NĐ2, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp PH, xã ĐT, huyện An Biên, Kiên Giang. *(Có mặt)*

+ Bà Dương Bích NĐ3, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. *(Có mặt)*

*2- Bị đơn:*

+ Bà Dương Bích BD1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. *(Có mặt)*

+ Bà Dương Kim BD2, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An

Minh, Kiên Giang. *(Có mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Q Á, Văn phòng Luật sư Q Á, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt)*.

*3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1- Ông Dương Hoàng Lq1, sinh năm 1958. Địa chỉ: 36A, LQK, phường VL, TP. Rạch Giá, Kiên Giang; *(Xin vắng mặt)*

3.2- Bà Dương Thị Lq2, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp PH, xã DT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; *(vắng mặt)*

3.3- Bà Dương Kim Lq3, sinh năm 1964 (Đã chết năm 2019)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lq3:*

3.3.1- Ông Phạm Văn M, sinh năm 1961 (chồng bà Lq3).

3.3.2- Chị Phạm Mỹ Th, sinh năm 1993 (con bà Lq3)

3.3.3- Chị Phạm Thị M X, sinh năm 2000 (con bà Lq3)

Cùng địa chỉ: ấp 7X 2, xã DH, huyện An Minh, Kiên Giang;

*Người đại diện hợp pháp của ông M, chị Th, chị X:* Bà Dương Bích BD1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 7X 2, xã DH, huyện An Minh, Kiên Giang; *(có mặt)*

3.4- Bà Dương Bích Lq4, sinh năm 1968. Địa chỉ: kp5, thị trấn T3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; *(xin vắng mặt)*

3.5- Bà Dương Bích Lq5, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp 8X, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; *(Xin vắng mặt)*

3.6- Bà Trần Thị Lq6, sinh năm 1930. Địa chỉ: ấp 7X, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. *(Xin vắng mặt)*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất về nội dung:

Về phần gia đình là: Ông Dương Văn U và bà Trần Thị Lq6 có tất cả 10 người con gồm: Ông Dương Văn ND2; Dương Hoàng Lq1; Dương Thị Lq2; Dương Năm ND1; Dương Kim Lq3; Dương Bích Lq4; Dương Bích ND3; Dương Bích Lq5; Dương Bích BD1; Dương Kim BD2. Ông U chết vào năm 2009; bà Lq6 hiện còn sống. Đến năm 2019 bà Lq3 chết; bà Lq3 có chồng là ông Mới và 02 con là Thêu và Xuyên.

Về tài sản là: Các đương sự đều xác định trong phần đất vườn đang tranh chấp có diện tích là 12.812m<sup>2</sup> thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp 7X, xã DH, huyện An Minh, Kiên Giang, lúc còn sống ông U không có bán cho ai.

Trong phần đất vườn này có phần riêng của bà Lq6 là 6.000m<sup>2</sup>. Lý do trước đây ông U đã phân chia riêng cho bà Lq6 (vợ ông U). Phần của bà Lq6 chưa được cấp Giấy chứng nhận mà còn nằm trong diện tích Giấy chứng nhận cấp cho ông U. Phần đất của bà Lq6 thì bà Lq6 đã bán cho bà Lq3.

Quá trình quản lý, sử dụng tài sản bà BĐ1 và bà BĐ2 đã lập thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Đồng thời bà BĐ1, bà BĐ2 kêu bán đất nên các nguyên đơn không thống nhất.

*Tại đơn khởi kiện ngày 22-11-2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31-01-2018 ông Dương Năm NĐ1 yêu cầu:* cắt chia thừa kế QSD đất có diện tích 16.503m<sup>2</sup> thành 5 phần bằng nhau, phần ông NĐ1 được hưởng 3.300,6m<sup>2</sup>. Đến ngày 24-5-2019 ông NĐ1 thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu phân chia cho ông NĐ1 diện tích chiều ngang 6,5m, chiều dài 60m = 390 m<sup>2</sup>, trong tổng diện tích đất 12.812m<sup>2</sup>.

*Tại đơn khởi kiện ngày 22-11-2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-3-2019 bà NĐ3 yêu cầu:* chia thừa kế QSD đất 16.503m<sup>2</sup> thành 5 phần bằng nhau, phần bà NĐ3 được hưởng 3.300,6m<sup>2</sup> và phần diện tích 12.812m<sup>2</sup> thành 5 phần, phần chị NĐ3 hưởng 2.562,4 m<sup>2</sup>. Đến ngày 17-4-2019 bà NĐ3 rút lại yêu cầu phân chia thừa đất có diện tích 16.503m<sup>2</sup> chỉ yêu cầu phân chia đối với phần đất có diện tích 12.812m<sup>2</sup>. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà NĐ3 thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu được hưởng phần đất có nhà bà đang ở là ngang 5m x dài 50m.

*Tại đơn khởi kiện ngày 22-11-2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-3-2019 ông NĐ2 yêu cầu:* chia thừa kế QSD đất 16.503m<sup>2</sup> thành 5 phần bằng nhau, phần ông NĐ2 được hưởng 3.300,6m<sup>2</sup> và phần diện tích 12.812m<sup>2</sup> thành 5 phần, phần ông NĐ2 được hưởng 2.562,4 m<sup>2</sup>. Đến ngày 17-4-2019 ông NĐ2 rút lại yêu cầu phân chia thừa đất có diện tích 16.503m<sup>2</sup> chỉ yêu cầu phân chia đối với phần đất có diện tích 12.812m<sup>2</sup>. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông NĐ2 thay đổi yêu cầu, ông xác định không yêu cầu chia thừa kế mà chỉ yêu cầu bị đơn giữ lại phần nhà của cha ông, phần đường vào khu nhà mồ và khu nhà mồ làm của chung các anh, chị, em và không ai được quyền sang bán.

*Trong quá trình tố tụng bị đơn bà BĐ1, bà BĐ2 trình bày như sau:* Phần đất các nguyên đơn yêu cầu phân chia có diện tích 12.812m<sup>2</sup>, thì cha là ông U đã cắt chia bà Lq6 6.000m<sup>2</sup>, phần còn lại là của ông U. Phần đất của ông U thì ngày 29-01-2008 ông U đã lập di chúc cho bà BĐ1 và bà BĐ2. Tháng 7 năm 2010 bà BĐ1 và bà BĐ2 đã lập thủ tục chuyển QSD đất và đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như

sau: đối với yêu cầu của bà NĐ3 về phần nền nhà bị đơn đồng ý bà NĐ3 được hưởng phần nhà theo đo đạc thực tế. (Bản đo vẽ ngang là 4m nhưng thống nhất cho là ngang 5m), tính từ giáp ranh ông Lâm đo qua là 1,5m, dài 30m tính từ mé lộ và cả phần đất mé sông.

Đối với yêu cầu của ông NĐ2 về việc giữ phần đất nhà tại vị trí hiện nay bị đơn không thống nhất. Đối với yêu cầu của ông NĐ1 là không thống nhất.

Phần đất hương hỏa bị đơn đồng ý để lại phần đường đi vào khu mộ bề ngang 3m, tính từ giáp bà Lệ qua và phần khu mộ khoảng 1.000m<sup>2</sup> (phần khu mộ đã có hàng rào).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lq6 trình bày:* Sinh thời vợ chồng bà có tạo được một phần đất tại ấp 7X, xã ĐH; đất do Nhà nước cấp. Tổng số đất được cấp là 30 công đất. Quá trình sử dụng vợ chồng bà đã phân chia cho 1 số người con như sau: Cho Dương Văn NĐ2 8 công đất (vừa đất ruộng và đất vườn); Cho Dương Hoàng Lq1 5 công đất ruộng; Cho Dương Văn NĐ1 5 công đất ruộng; Phần còn lại vợ chồng bà sử dụng.

Quá trình chung sống, chồng bà có phân chia phần của riêng bà là khoảng 6.000m<sup>2</sup> loại đất vườn. Sau đó bà đã khai phá ra để làm ruộng. Phần này hiện nay bà Lq6 đã bán lại cho con là Dương Kim Lq3. Đất còn nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất do ông U đứng tên. Phần đất còn lại thuộc quyền của ông U (chồng bà).

Đối với di chúc do ông Dương Văn U lập năm 2008 bà Lq6 thống nhất thực hiện theo ý nguyện của ông U. Đối với tài sản ông U định đoạt trong di chúc bà Lq6 không tranh chấp gì vì vợ chồng bà đã phân chia tài sản nên phần đó là của ông U.

Nay các con khởi kiện tranh chấp ra Tòa án, bà Lq6 có ý kiến như sau: Các con trai thì ông bà đã phân chia đất trước đây nên phần còn lại cho các con gái. Trước khi chết ông U đã lập di chúc và bà Lq6 hoàn toàn thống nhất theo di chúc đó; bà Lq6 đề nghị Tòa án căn cứ theo di chúc để phân xử. Bà Lq6 không yêu cầu phân chia tài sản, không tranh chấp hay yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lq2, bà Lq4, bà Lq5 trình bày:* Xác định phần đất đã được cha là ông U di chúc cho bà BĐ1, bà BĐ2; các bà thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu gì mà thực hiện theo di chúc của ông U.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lq1 trình bày:* cha ông là ông U đã chia đất cho ông NĐ2, ông NĐ1 và ông nên ông Lq1 đề nghị xem xét giải

quyết cho những đứa em gái vì chưa được chia đất; còn ông Lq1 không yêu cầu chia thêm đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ Lq4 quan bà Lq3 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lq3: không yêu cầu, tranh chấp gì.

*Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy:* Qua biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09-3-2017 và Tờ trích đo địa chính số: 167-2020 thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 8.029,8m<sup>2</sup> (bao gồm cả đất bờ kênh) tọa lạc tại ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Trên đất có 01 căn nhà của ông U để lại (hiện chỉ BĐ1 quản lý); 01 căn nhà của bà NĐ3; phần mộ của gia đình gồm 2 nhà mộ.

*Kết quả định giá:* QSD đất có giá trị 1.195.643.000 đồng; nhà ở, nhà mồ và công trình giá trị 642.840.000 đồng; cây trồng trên đất giá trị 53.162.000 đồng.

*Tại kết luận giám định số: 582/KL-KTHS ngày 24-7-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận:* Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Dương Văn U trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký mang tên Dương Văn U trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*Tại phiên tòa,*

*- Nguyên đơn ông NĐ1 vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Nguyên đơn ông NĐ2:* Yêu cầu giữ lại phần đất chung gồm: phần đất và căn nhà của ông U để lại, phần đường vào khu mộ và phần khu mộ; xác định đây là tài sản chung, không ai được quyền sang bán; ông NĐ2 xin được là người đại diện các anh em đứng ra trực tiếp quản lý.

*Nguyên đơn bà NĐ3:* yêu cầu được hưởng phần đất nền nhà (hiện đang có nhà của bà NĐ3) với bề ngang 5m. Bà NĐ3 thống nhất với ý kiến của bị đơn phần bà NĐ3 hưởng là ngang 5m x dài 30 m tính từ mé lộ; vị trí cách ranh phía ông Lâm 1,5m; bà NĐ3 được hưởng cả phần mé sông.

*Bị đơn:* Không thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NĐ1, ông NĐ2. Thống nhất phần bà NĐ3 được hưởng là ngang 5m x dài 30m tính từ mé lộ; vị trí cách ranh phía ông Lâm 1,5m (kể cả phần mé sông. Phần đất hương hỏa thống nhất để lại một đường vào khu mộ ngang 3m tính từ phía giáp bà Lệ và phần đất khu mộ dài 35m x ngang 28m tính từ giáp đất bà Lệ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Di chúc của ông U là di chúc hợp pháp nên phải được thực hiện theo đúng di chúc. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận theo ý kiến, yêu cầu của phía bị đơn.

*- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Xác định di chúc do ông U lập là hợp pháp và đề nghị HĐXX phân xử theo di chúc. Đồng thời xem xét, ghi nhận ý kiến tự nguyện của phía bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phân chia thừa kế QSD đất. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, xét thấy các nguyên đơn có cùng yêu cầu đối với các bị đơn về chia thừa kế QSD đất nên Tòa án đã tiến hành nhập thành một vụ án để giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[3] Ông Dương Năm NĐ1 là nguyên đơn trong vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông NĐ1. Việc tổng đạt qua hai hình thức là cho bà NĐ3 nhận thay và niêm yết tại nơi cư trú. Xét thấy ngoài địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện (ấp 7X, xã ĐH) ông NĐ1 không cung cấp và yêu cầu tổng đạt theo địa chỉ nào khác, do đó việc tổng đạt được coi là hợp lệ. Mặt khác, bà NĐ3 xác định bà có điện thoại báo cho ông NĐ1 biết việc Tòa án mời hòa giải nhưng không biết lý do vì sao ông không về tham dự được vì điện thoại hiện nay không liên lạc được. HĐXX thấy ông NĐ1 là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì coi như từ bỏ việc khởi kiện. HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông NĐ1; ông NĐ1 có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Ông Dương Văn U và bà Trần Thị Lq6 có tất cả 10 người con gồm: Ông Dương Văn NĐ2; Dương Hoàng Lq1; Dương Thị Lq2; Dương Năm NĐ1; Dương Kim Lq3; Dương Bích Lq4; Dương Bích NĐ3; Dương Bích Lq5; Dương Bích BĐ1; Dương Kim BĐ2. Ông U chết vào năm 2009; bà Lq6 hiện còn sống. Sinh thời ông U, bà Lq6 tạo dựng được một số tài sản, trong đó có QSD đất. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông bà có phân chia cho các con một phần QSD đất. Các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đối với phần đất vườn có diện tích là 12.812m<sup>2</sup> thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. Trong phần đất vườn này có phần riêng của bà Lq6 là 6.000m<sup>2</sup>. Lý do trước đây ông U đã phân chia riêng cho bà Lq6 (vợ ông U). Phần đất hiện nay do bà BĐ1 đứng tên và trực tiếp quản lý, sử dụng QSD đất.

[5] Thời điểm mở thừa kế là ngày ông U chết là ngày 06-02-2019. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

[6] Xác định hàng thừa kế đối với di sản của ông U: Tại thời điểm mở thừa kế thì ông U có vợ và các con. Điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Luật có hiệu lực điều chỉnh tại thời điểm lập và mở thừa kế; nay là Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định “*Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*”. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của ông U gồm có: vợ ông U là bà Trần Thị Lq6 và các con là ông Dương Văn NĐ2; Dương Hoàng Lq1; Dương Thị Lq2; Dương Năm NĐ1; Dương Kim Lq3; Dương Bích Lq4; Dương Bích NĐ3; Dương Bích Lq5; Dương Bích BĐ1; Dương Kim BĐ2.

[7] Xác định di sản: Các đương sự đều xác định khi chết ông U để lại phần đất có diện tích 12.812m<sup>2</sup> thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. Trong phần đất vườn này có phần riêng của bà Lq6 là 6.000m<sup>2</sup>.

[8] Xét di chúc của ông Dương Văn U lập ngày 29-01-2008 thấy rằng: Tuy Kết luận giám định không xác định được chữ ký có phải của ông U hay không nhưng qua ý kiến của những người viết hộ di chúc và người làm chứng đều xác định được việc ông U lập di chúc là có thật. Khi lập di chúc ông U còn

minh miễn; người viết hộ di chúc và người làm chứng đều xác định di chúc lập theo ý kiến, nguyện vọng của ông U; Di chúc đã được chứng thực theo đúng quy định. Đối với tài sản định đoạt trong di chúc là QSD đất của ông U với bà Lq6 nhưng bà Lq6 xác định ông bà đã phân chia tài sản, phần ông U định đoạt là của ông U, bà không tranh chấp và cũng thống nhất theo định đoạt đó.

Các nguyên đơn có nêu ý kiến vì sao ông U lại không tự viết di chúc và có thể ông U không minh miễn khi lập di chúc vì ông đang bị bệnh. HĐXX nhận thấy, việc lựa chọn hình thức lập di chúc (tự viết hay nhờ người viết hộ) là do quyền quyết định của người lập di chúc. Nguyên đơn nêu lý do ông U không minh miễn nhưng không đưa ra được căn cứ trong khi những người chứng kiến việc lập di chúc, trong đó có bác sĩ bệnh viện, xác định ông U vẫn minh miễn. Mặt khác nội dung nêu di trong di chúc Lq4 quan đến tài sản phù hợp với thực tế như đất đã cho con trai, chưa cho con gái... Từ những căn cứ trên cho thấy di chúc ông U lập là do người khác viết hộ, có hai người làm chứng và được chứng thực hợp pháp. Đối chiếu với quy định tại các Điều 646, 652, 653, 654, 656, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các Điều 624, 630, 631, 634 Bộ luật Dân sự năm 2015) đủ cơ sở xác định di chúc do ông Dương Văn U lập ngày 29-01-2008 là di chúc hợp pháp.

[9] Do người để lại di sản đã có di chúc hợp pháp nên di sản của ông U không thuộc trường hợp phân chia theo pháp luật mà phải được phân chia theo di chúc theo quy định tại Điều 667, 675 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 643, 650 Bộ luật dân sự năm 2015).

[10] Xét yêu cầu cụ thể của từng nguyên đơn nhận thấy:

Đối với yêu cầu của bà NĐ3: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà NĐ3 yêu cầu và bị đơn bà BĐ1, bà BĐ2 thống nhất để lại cho bà NĐ3 một phần đất ở (có nhà bà NĐ3 trên đất). Thấy rằng nội dung thỏa thuận này của các bên và phù hợp pháp luật, đạo đức và cũng phù hợp một phần với nguyện vọng của ông U trong di chúc nên HĐXX ghi nhận. Theo đó bà NĐ3 được hưởng một phần đất có diện tích 150m<sup>2</sup> bề ngang 5m, dài 30m tính từ mé lộ đo vào (cách ranh đất ông Lâm đo qua 1,5m) và một phần đất mé sông có diện tích 30 m<sup>2</sup> bề ngang 5m, dài từ mé lộ đến mé sông là 6m.

Đối với yêu cầu của ông NĐ2: ông yêu cầu để lại phần đất hương hỏa và ông trực tiếp quản lý. Thấy rằng phần di sản đã được ông U định đoạt cho bà BĐ1, bà BĐ2 được hưởng (trong đó có cả phần mồ mả, căn nhà); ông U không



chỉ định ông NĐ2 quản lý di sản nên yêu cầu của ông NĐ2 là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà BĐ1, bà BĐ2 tự nguyện dùng một phần QSD đất được hưởng theo di chúc để làm khu nhà mồ và một đường vào khu nhà mồ. Thấy rằng ý kiến của bị đơn là tự nguyện, phù hợp đạo đức nên HĐXX ghi nhận. Theo đó, xác định phần đất để làm khu nhà mồ bề ngang 28m (đo từ điểm 23 đến điểm 24 trên sơ đồ và kéo dài đủ 28m) và bề dài 35m (đo từ điểm 23 và trên cạnh 23-22 trên sơ đồ ) với diện tích 980m<sup>2</sup> và một phần đất làm đường vào khu mộ bề ngang 3m (tính từ phía giáp đất bà Lệ), dài 48,87m (cạnh 1, 6, 5, 25, 24 trên sơ đồ) với diện tích 146,61m<sup>2</sup>. Phần đất này là đất hương hỏa do bà BĐ1 trực tiếp quản lý.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất theo quy định. Trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền bà BĐ1, bà BĐ2 có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận QSD đất cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục. Trong trường hợp bà BĐ1, bà BĐ2 không tự nguyện giao bản gốc thì đương sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ Giấy đã cấp cho bà BĐ1, bà BĐ2 để thực hiện thủ tục.

[11] Trong vụ việc này lẽ ra khi biết được có di chúc của ông U định đoạt di sản thì bà BĐ1, bà BĐ2 (người được chỉ định hưởng di sản) nên thông báo đến mẹ và các anh, chị em để công bố di chúc và tổ chức thực hiện di chúc. Nếu thực hiện chặt chẽ như thế thì sẽ tạo được sự đồng lòng, tránh bức xúc của các đồng thừa kế khác. Trong khi đó bà BĐ1, bà BĐ2 căn cứ di chúc tự thực hiện thủ tục chuyển quyền, các anh, chị em khác không hay biết rồi sau đó định chuyển quyền nên các anh, chị em mới mâu thuẫn và phát sinh tranh chấp. Tuy việc công bố và thực hiện di chúc chưa chặt chẽ nhưng không ảnh hưởng đến việc thừa kế theo di chúc nhưng cũng cần rút kinh nghiệm.

[12] Về án phí sơ thẩm: Đây là tranh chấp về thừa kế nên các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng theo quy định điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Cụ thể:

+ Số tiền tạm ứng án phí ông NĐ1 đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

+ Bà NĐ3 phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng là  $(72.541.000đ + 7.224.000đ) \times 5\% = 3.988.250đ$ .

+ Ông NĐ2 phải chịu án phí như đối với tranh chấp không có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 5.730.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 8.323.000 đồng, chi phí giám định là 510.000 đồng, chi phí khai thác hồ sơ lưu là 250.000 đồng, tổng cộng là 14.813.000 đồng. Do các nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu chi phí này. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà các nguyên đơn bà NĐ3, ông NĐ2 đã tạm nộp nên các nguyên đơn đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 646, 652, 653, 654, 656, 657, 667, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các Điều 624, 630, 631, 634, 635, 643, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015); khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

1- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Năm NĐ1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với QSD đất là di sản do ông Dương Văn U để lại. Ông NĐ1 có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng.

2- Xác định Di chúc do ông Dương Văn U lập ngày 29-01-2008 là di chúc hợp pháp.

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn NĐ2 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với QSD đất là di sản do ông Dương Văn U để lại.

4- Ghi nhận sự tự nguyện của các bên, theo đó bà Dương Bích NĐ3 được QSD đối với phần đất trên bờ có diện tích 150m<sup>2</sup> bề ngang 5m (cách ranh đất ông Lâm đo qua là 1,5m), dài 30m (tính từ mé lộ đối với phần trên lộ) và phần đất bờ kênh có diện tích 30m<sup>2</sup> dài 6m (từ lộ đến mé sông đối với phần mé sông), ngang 5m (cách ranh đất ông Lâm đo qua là 1,5m).

5- Ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn, xác định phần đất hương hỏa có diện tích, vị trí như sau: phần đất để làm khu nhà mồ diện tích 980m<sup>2</sup> với bề

ngang 28m (đo từ điểm 23 đến điểm 24 trên sơ đồ và kéo dài đủ 28m) và bề dài 35m (đo từ điểm 23 về hướng điểm 22 thuộc cạnh 23-22 trên sơ đồ) và một phần đất làm đường vào khu mộ diện tích 146.61m<sup>2</sup> bề ngang 3m (tính từ phía giáp đất bà Lệ), dài từ mé lộ đến giáp đất khu mộ là 48,87m (cạnh 1, 6, 5, 25, 24 trên sơ đồ). Giao bà Dương Bích BD1 trực tiếp quản lý phần đất này.

*(Các phần đất tọa lạc tại ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang theo sơ đồ, vị trí giáp ranh, các cạnh được xác định theo Tờ Trích đo địa chính số: TĐ 167- 2020, duyệt ngày 31-07-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh được kèm theo).*

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất theo quy định. Trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền bà BD1, bà BD2 có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận QSD đất cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục. Trong trường hợp bà BD1, bà BD2 không tự nguyện giao bản gốc thì người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ Giấy đã cấp cho bà BD1, bà BD2 để thực hiện thủ tục.

7. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí như sau:

+ Số tiền tạm ứng án phí 2.145.000 đồng do ông Dương Năm NĐ1 nộp tại biên lai thu số 0006164 ngày 07-3-2019 được sung vào công quỹ nhà nước.

+ Bà Dương Bích NĐ3 chịu 3.988.250 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.665.560 đồng theo biên lai số 0006218 ngày 26-3-2019, bà NĐ3 còn phải nộp tiếp là 2.322.690 đồng.

+ Ông Dương Văn NĐ2 chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.665.560 đồng theo biên lai số 0006219 ngày 26-3-2019, ông NĐ2 còn được nhận lại số tiền 1.365.560 đồng.

*(Các biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh).*

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 5.730.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 8.323.000 đồng, chi phí giám định là 510.000 đồng, chi phí khai thác hồ sơ lưu là 250.000 đồng, tổng cộng là 14.813.000 đồng. Do các nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu chi phí này. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà các nguyên đơn bà NĐ3, ông NĐ2 đã tạm nộp nên các nguyên đơn đã nộp xong.

9. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15-12-2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM  
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**